

TÔN TRỌNG VÀ ĐẢM BẢO QUYỀN TỰ DO TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO CỦA NHÂN DÂN - GIÁ TRỊ NỔI BẬT TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ TÔN GIÁO

ThS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG (*)



Ảnh TL

Tóm tắt: Kế thừa và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể ở nước ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xây dựng nên hệ thống quan điểm về tôn giáo, tín ngưỡng rất phong phú, đa dạng, độc đáo, sáng tạo, góp phần to lớn vào thắng lợi của công tác tôn giáo nói riêng và sự nghiệp cách mạng nói chung. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo là một nội dung quan trọng trong hệ thống lý luận của Người về tôn giáo, tín ngưỡng. Không chỉ khẳng định đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng cho nhân dân, Hồ Chí Minh còn kí Sắc lệnh 234/SL ngày 14/6/1955, được coi là đặt nền móng cho các chính sách về sau này của Đảng và Nhà nước ta đối với vấn đề tôn giáo, tín ngưỡng. **Từ khóa:** Hồ Chí Minh, Tự do, Tôn giáo, Tín ngưỡng, Giá trị

1. Đặt vấn đề

Hồ Chí Minh tiếp cận tôn giáo không chỉ là nhu cầu tinh thần của nhân dân mà Người còn nhìn nhận tôn giáo với tính cách là những giá trị đạo đức, di sản văn hóa của nhân loại. Người đấu tranh quyết liệt với những kẻ lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để

chống phá sự nghiệp cách mạng nhưng Người cũng nhìn thấy ở tôn giáo những giá trị tốt đẹp phù hợp với đạo đức mới và phục vụ cho sự phát triển của thời đại.

* Học viện Chính trị, Khu vực I

Trước đó, vấn đề tín ngưỡng tôn giáo chỉ được đề cập đến trong các tác phẩm, bài viết, bài nói chuyện của Hồ Chí Minh. Ngay sau Cách mạng Tháng Tám thành công, đóng góp đầu tiên của Hồ Chí Minh chính là khẳng định quyền tự do tín ngưỡng cho mọi công dân của nước Việt Nam mới và vấn đề tự do, bình đẳng dân tộc, tôn giáo đã được luật pháp của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày càng thể chế hoá rõ hơn.

2. Nội dung

Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo được hình thành và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử mà quan hệ giữa Công giáo và Cộng sản không mấy tốt đẹp. Có thể nói, trong khoảng 40 năm, từ những năm 20 đến 60 của thế kỉ XX là giai đoạn, trong hàng ngũ chức sắc các tôn giáo nhất là Công giáo và cả những người cộng sản đều mắc phải không ít sai lầm, phiến diện khi nhận thức và ứng xử đối với nhau. Bởi thực tế cách mạng cho thấy, thực dân Pháp đã ra sức lợi dụng tôn giáo, nhất là giáo hội Công giáo để chống phá cách mạng nước ta. Sự cấu kết thực dân Pháp và giáo hội Công giáo đã gây ra những tổn thất không nhỏ cho cách mạng Việt Nam. Điều đó khiến cho thái độ định kiến, mặc cảm với tôn giáo, trong đó nổi lên là Công giáo trong cán bộ đảng viên là điều khó tránh.

Hồ Chí Minh là một trong số ít những nhà lãnh tụ cộng sản được hậu thế đánh giá cao, Người đã vượt qua được những hạn chế của lịch sử để có được những quan điểm, cách ứng xử mềm dẻo, đúng đắn đối với vấn đề tôn giáo. Những tư tưởng ấy không chỉ được thể hiện thông qua những bài viết, lời phát biểu, chỉ thị, sắc lệnh mà còn qua những cử chỉ, hành động cũng như phong cách ứng xử của Người đối với tín đồ, giáo sĩ, nhà tu hành các tôn giáo. Năm 1945, chỉ một ngày sau khi đọc “Tuyên ngôn độc lập”, trong phiên họp đầu tiên của Hội đồng chính phủ Việt Nam Dân chủ cộng hòa (3-9-1945), trong “Sáu vấn đề cấp bách”, Hồ Chủ tịch đã phát biểu: “Thực dân và phong kiến thi hành chính sách chia rẽ đồng bào giáo và đồng bào lương để dễ thống trị. Tôi đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết”.

Nhằm bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, ngày

14-6-1955, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trực tiếp soạn thảo và ký ban hành Sắc lệnh 234/SL. Cần nói thêm rằng, tình hình các tôn giáo ở miền Bắc Việt Nam lúc đó bên cạnh hai tôn giáo chính khá đông đảo so với tỉ lệ dân số là Công giáo và Phật giáo còn có sự hiện diện của cộng đồng đạo Tin Lành, Cao Đài và một nhóm tín đồ nhỏ bé Hồi giáo. Điều đặc biệt của Sắc lệnh 234-SL ở chỗ, chủ tịch Hồ Chí Minh rõ ràng đã vận dụng những kinh nghiệm của luật pháp tôn giáo của nước Pháp vào những điều kiện cụ thể của miền Bắc nước ta lúc đó. Từ Sắc lệnh này đã làm cơ sở cho hàng loạt các văn bản pháp lý khác về vấn đề tôn giáo⁽¹⁾

Sắc lệnh gồm có V chương, trong đó Chương I: Đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tại Điều 1 ghi rõ: Chính phủ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do thờ cúng của nhân dân. Không ai được xâm phạm đến quyền tự do ấy. Mọi người Việt Nam đều có quyền tự do theo một tôn giáo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các nhà tu hành được tự do giảng đạo tại các cơ quan tôn giáo (như nhà thờ, chùa, thánh thất, trường giáo lý, v.v...); Điều 2: Các nhà tu hành và các tín đồ đều được hưởng mọi quyền lợi của người công dân và phải làm mọi nghĩa vụ của người công dân; Điều 4: Các tôn giáo được xuất bản và phát hành những kinh bản, sách báo có tính chất tôn giáo, nhưng phải tuân theo luật pháp của Chính phủ nước Việt Nam dân chủ cộng hòa về việc xuất bản.

Trong chương III của Sắc lệnh cũng đã có những quy định cụ thể đối với vấn đề ruộng đất của các tôn giáo. Điều 11: Khi phát động quần chúng giảm tô và cải cách ruộng đất, những giám mục, linh mục, nhà sư, mục sư, chức sắc có ruộng đất riêng phát canh thu tô như địa chủ, sẽ không quy định thành phần là địa chủ, nhưng phải thi hành đúng chính sách ruộng đất của Chính phủ; Điều 12: Để bảo đảm việc thờ cúng của nhân dân và giúp đỡ các nhà tu hành, đối với phần ruộng đất mà nhà thờ, nhà chùa, thánh thất được sử dụng từ sau cải cách ruộng đất, Chính phủ sẽ chiếu cố và cho đóng thuế nông

(1) PGS, TS Đỗ Quang Hưng: Nhà nước, Giáo hội và chính sách tôn giáo ở Việt Nam, Nxb Công an nhân dân, 2014, Tr 38-39

nghiệp theo mức nhẹ hơn.

Tại Chương IV, Điều 15: Việc tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng là một quyền lợi của nhân dân. Chính quyền dân chủ cộng hoà luôn luôn tôn trọng quyền lợi ấy và giúp đỡ nhân dân thực hiện. Chung quy lại, tư tưởng của Hồ Chí Minh về tôn trọng, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân thể hiện ở những nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất: Hồ Chí Minh xem quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo như là một trong những quyền tự do của con người⁽²⁾. Người viết: mọi công dân Việt Nam “có quyền tự do tín ngưỡng, theo hay không theo một tôn giáo”, hay: “Hội hè, tín ngưỡng, báo chương, hợp hành, đi lại có quyền tự do” và “Ban bố quyền tự do dân chủ cho nhân dân: Tự do ngôn luận, tự do xuất bản, tự do tổ chức, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại trong nước⁽³⁾...”

Đối với Hồ Chí Minh, tự do tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu không thể thiếu được đối với nhân dân, là điều thiêng liêng không ai được phép xâm phạm đồng thời cũng là một trong những mục tiêu phấn đấu của cách mạng. Do đó, Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở cán bộ của Đảng và Nhà nước phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, phong tục tập quán của nhân dân. Trong Tám điều mệnh lệnh của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Người yêu cầu: “Chính quyền, quân đội và đoàn thể phải tôn trọng tín ngưỡng, phong tục tập quán của đồng bào⁽⁴⁾. Người còn khéo léo khẳng định quan điểm này trong thư gửi Giám mục Lê Hữu Từ ngày 1/2/1947: “Trong Hiến pháp ta định rõ: Tín ngưỡng tự do. Nếu ai làm sai Hiến pháp, khiêu khích Công giáo sẽ bị phạt. Chắc cụ không bao giờ tin rằng Việt Minh chống lại đạo vì cụ thừa biết Việt Nam độc lập đồng minh là cốt đoàn kết tất cả các đồng bào để làm cho Tổ quốc độc lập chứ không phải để chia rẽ phân đôi tôn giáo⁽⁵⁾. Có thể nói, việc khẳng định quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân là cơ sở đầu tiên cho mục

tiêu đoàn kết tôn giáo

Thứ hai: Chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo phải được xem là một trong những chính sách cấp bách của Nhà nước khi nắm được chính quyền, “Tín ngưỡng tự do, Lương, Giáo đoàn kết”⁽⁶⁾ là một trong những nhiệm vụ cấp bách của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trên cơ sở nhận thức rõ Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc và đa tín ngưỡng, tôn giáo, mỗi tôn giáo tuy có lịch sử hình thành, du nhập, số lượng tín đồ, chức sắc, cơ sở thờ tự, vị trí vai trò xã hội và đặc điểm khác nhau, nhưng mọi tôn giáo đều tồn tại trong lòng dân tộc và do đó lợi ích của từng tôn giáo cũng gắn liền với lợi ích của quốc gia, dân tộc... nên Hồ Chí Minh rất quan tâm đến mối quan hệ đặc biệt này. Người cũng nhận thức rõ tình trạng bài xích, đối đầu giữa các tôn giáo sẽ làm cho kẻ thù lợi dụng gây chia rẽ dân tộc. Vì thế, Hồ Chí Minh đã gắn tự do tôn giáo với tự do dân tộc và khẳng định chính sách tự do tín ngưỡng, tôn giáo phải được coi là chính sách cấp bách cần phải giải quyết ngay sau khi giành được chính quyền.

Thứ ba: Quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo phải được pháp luật bảo hộ.

Hồ Chí Minh còn thể hiện rõ quan điểm về việc chống vi phạm tự do tín ngưỡng dưới mọi hình thức. Sau cách mạng Tháng Tám thành công, Người rất vui khi đồng bào lương giáo đoàn kết cùng nhau lao động, sản xuất, Người vô cùng căm giận khi được tin kẻ thù xâm phạm tự do tín ngưỡng của đồng bào Công giáo khi chúng bắn phá các nhà thờ Công giáo ở Quảng Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Nam Định và giết hại bà con giáo dân. Vì thế trong tư tưởng của Người, chính quyền, quân đội nhân dân phải bảo vệ các cơ sở thờ tự, bảo vệ nhà thờ và giáo dân.

Đối với cán bộ của Đảng và Nhà nước, Người luôn nhắc nhở phải tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, phong tục tập quán của nhân dân. Ngay sau khi Nhà nước kiểu mới ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 4, ngày 09-9-1952 về “Bảo vệ đền chùa, nhà thờ, trường học, nhà thương và các

(2) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T.3, tr.205.

(3) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T.3, tr.583

(4) Hồ Chí Minh: Toàn tập, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.488.

(5) Hồ Chí Minh: Toàn tập, T.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.53.

(6) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.4, tr.9.

cơ quan văn hóa, xã hội khác”, ghi rõ: “chính quyền, quân đội và đoàn thể phải tôn trọng tín ngưỡng, phong tục tập quán của đồng bào”⁽⁷⁾. Bên cạnh việc coi trọng quyền tự do tín ngưỡng của người có đạo, Người cũng đòi hỏi tất cả mọi người không phân biệt có hay không có đạo phải tôn trọng pháp luật. Người yêu cầu các nhà tu hành, các chức sắc tôn giáo có nhiệm vụ giáo dục cho các tín đồ lòng yêu nước, nghĩa vụ công dân, ý thức tôn trọng chính quyền nhân dân và pháp luật của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Thứ tư: Mọi công dân có hay không có tín ngưỡng, tôn giáo đều được bình đẳng trước pháp luật trên mọi lĩnh vực, kể cả trong bầu cử người vào cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước. Người cũng yêu cầu các nhà tu hành, các chức sắc tôn giáo “có nhiệm vụ giáo dục cho các tín đồ lòng yêu nước, nghĩa vụ công dân, ý thức tôn trọng chính quyền nhân dân và pháp luật của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”⁽⁸⁾.

Dù bận bịu với bao công việc của những ngày đầu khi mới giành được chính quyền, Người vẫn sẵn sàng tiếp chuyện với các đại biểu Công giáo, Phật giáo tại thủ đô. Người không chỉ quan tâm đến Công giáo ở Hà Nội mà còn quan tâm đến đồng bào Công giáo toàn quốc, vui với niềm vui của bà con, nhất là khi lần đầu tiên đồng bào Công giáo ta làm lễ Nôen một cách vui vẻ sung sướng trong nước Việt Nam độc lập tự do. Hồ Chí Minh nói rõ quan điểm của mình là không phân biệt nghĩa vụ và quyền lợi công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Mọi công dân đều có quyền ứng cử và bầu cử vào Quốc hội: “Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt

giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống,...⁽⁹⁾”. Cũng ngay sau khi giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời và bổ nhiệm một loạt các chức sắc tôn giáo, trong đó có chức sắc Công giáo và nhân sĩ trí thức Công giáo vào bộ máy nhà nước, như Giám mục Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn là cố vấn Chính phủ, ông Nguyễn Mạnh Hà đảm nhiệm chức Bộ trưởng Bộ Kinh tế, ông Vũ Đình Tụng - Giám đốc Nha Y tế Bắc Bộ, Bộ trưởng Bộ thương binh, Cựu binh trong Chính phủ, đặc biệt là Linh mục Phạm Bá Trục đã được bầu làm Phó Trưởng Ban thường trực Quốc hội khóa I.

Trong Lời điều linh mục Phạm Bá Trục, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá cao công lao, đức độ của vị linh mục yêu nước kháng chiến và thay mặt nhân dân, Chính phủ, hứa trước anh linh của Cụ tiếp tục phấn đấu vì sự nghiệp chung: “Trong mọi việc, Cụ đã kết hợp đạo đức bác ái theo lời Chúa dạy, với tình thần nồng nàn yêu nước của người đại biểu chân chính của nhân dân Việt Nam”. Hơn nửa thế kỷ sau, những dòng phân ưu của Chủ tịch Hồ Chí Minh nhân tang lễ của cụ vẫn còn lay động lòng người: “Cụ linh mục Phạm Bá Trục đã tỏ rõ tinh thần kính Chúa và yêu nước của đồng bào công giáo Việt Nam. Cụ luôn cố gắng thắt chặt tinh thần đoàn kết giữa lương



Ảnh TL

(7) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H, 2003, T.6, tr.565.

(8) Trần Tam Tĩnh: Thập giá và lưỡi gươm, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1998, tr.73

(9) Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb CTQG - Sự thật, H, 2011, Tập 4, trang 7.

và giáo, giữa các tôn giáo với nhau để đấu tranh cho hoà bình, thống nhất, độc lập và dân chủ của đất nước. Cụ linh mục Phạm Bá Trực đã mất nhưng tinh thần đó sẽ được đồng bào công giáo và nhân dân ta nêu cao mãi⁽¹⁰⁾.

Thứ năm: Hồ Chí Minh gắn tự do tín ngưỡng, tôn giáo với độc lập dân tộc: tự do tôn giáo chỉ thực sự đúng nghĩa khi đất nước độc lập, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, tín đồ được no ấm, như Hồ Chí Minh nói: “Nước có được độc lập thì tôn giáo mới được tự do... Có thực mới vực được đạo... Phần xác no ấm, phần hồn thông dong... (11)”

Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tôn trọng những giá trị đạo đức, văn hoá của nhân loại dù có phù bên ngoài một màu sắc tôn giáo để gạt đục khơi trong, để giữ gìn tiếp biến. Trên thế giới hiếm thấy có một vị lãnh tụ cộng sản nào, theo quan điểm duy vật mà lại có sự nhận thức, ứng xử với tôn giáo như Hồ Chí Minh. Có thể thấy lập trường về tôn giáo của Người khác xa với các chính khách cùng thời. Là một chiến sĩ cách mạng, mục tiêu mà Người nguyện hy sinh phấn đấu suốt đời là, giải phóng dân tộc, giai cấp và con người. Vì vậy, không có gì ngạc nhiên khi thấy ở đâu, nơi nào có điều kiện là Hồ Chủ tịch khẳng định quyền tự do tôn giáo, đoàn kết toàn dân không phân biệt tôn giáo để giành độc lập cho Tổ quốc, cơm no, áo ấm cho mọi người. Tư tưởng đó của Người được đông đảo tín đồ, chức sắc Công giáo ủng hộ. Mặt khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc nhở các địa phương nhất là Cấp ủy phải quan tâm cả phần xác và phần hồn cho đồng bào có đạo. Người chỉ rõ nguyện vọng của đồng bào giáo dân là: Phần xác ấm no – Phần hồn thông dong. Muốn được như thế thì phải ra sức cùng cố Hợp tác xã, phát triển sản xuất, tăng thu nhập cho xã viên đồng thời phải đảm bảo tự do tín ngưỡng cho người dân.

3. Kết luận

Hồ Chí Minh từng khẳng định: Tôn giáo là duy tâm, cộng sản là duy vật... Chủ nghĩa duy linh và Chủ nghĩa duy vật là ngược nhau, khác nhau rõ

ràng là thế. Nhưng khác nhau, ngược nhau không có nghĩa là phải loại trừ nhau. Trong bối cảnh thế giới đang mâu thuẫn gay gắt giữa duy vật và duy tâm, vô thần và hữu thần, tôn giáo và khoa học... ở nửa đầu thế kỷ XX, còn trong nước thì những tư tưởng mặc cảm, định kiến từ hai phía: chức sắc, tín đồ Thiên Chúa giáo với cán bộ, đảng viên, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhận thức một cách sâu sắc về sự tồn tại và đồng hành của tôn giáo với dân tộc cho thấy Người đã vượt xa tầm nhìn hạn hẹp, định kiến với tôn giáo của không ít người đương thời để đạt đến tầm cao mới nhằm phục vụ sự nghiệp cách mạng. Trung thành và vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về tôn giáo, Hồ Chí Minh không những đã cụ thể hóa nội dung quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo mà còn bổ sung, nâng tầm ý nghĩa của tự do tín ngưỡng, tôn giáo khi đặt nó trong mối quan hệ gắn bó với độc lập dân tộc. Sự nghiệp giải phóng dân tộc nhằm mục tiêu tối cao là đem lại tự do, hạnh phúc cho đồng bào trong đó có tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Tự do tín ngưỡng, tôn giáo là quyền lợi của người dân trong một nước tự do, độc lập đồng thời là nhân tố để thực hiện đoàn kết dân tộc. Những giá trị cốt lõi của tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang là kim chỉ nam soi đường, chỉ lối để Đảng và Nhà nước ta đã và đang tiếp tục hoàn thiện các cơ chế chính sách về tôn giáo.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, T.3, T.4, T.10.
2. Đỗ Quang Hưng: Nhà nước, Giáo hội và chính sách tôn giáo ở Việt Nam, Nxb Công an nhân dân, 2014.
3. Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, T5, T.7.
4. Sắc lệnh 234/SL ngày 14/6/1955 của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về vấn đề tôn giáo, Công báo Việt Nam 1955.
5. Trần Tam Tĩnh: Thập giá và lưỡi gươm, Nxb Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 1998.
6. Tôn giáo và tín ngưỡng, Giáo trình Cao cấp lý luận chính trị, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội 2018

(10) Báo Nhân dân, số 237, ra ngày 11-12 tháng 10 năm 1954, Tr. 1
 (11) Hồ Chí Minh, Toàn tập, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.10, tr. 606